SỐ 02, THÁNG 07/2020

EPOCH TIMES TIẾNG VIỆT

VĂN HÓA & NGHỆ THUẬT

NGHỆ THUẬT

Tác phẩm 'Hòa Bình và Chiến Tranh' của Pompeo Batoni:

Một thông điệp vượt thời gian

ERIC BESS

Hòa Bình được Batoni mô tả với hình tượng nữ tính, mềm mại và duyên dáng; Chiến Tranh thì nam tính, mạnh mẽ và khốc liệt. Trong đó, cuộc đối thoại không lời của hai nhân vật là điều thú vị nhất.

Tác phẩm của họa sỹ người Ý sống vào thế kỷ 18, Pompeo Batoni, đã diễn tả một cách sâu sắc mối quan hệ giữa hòa bình và chiến tranh, kiến thức mà con người hiện nay cần phải biết.

Chiến Tranh đang mặc một bộ giáp như thể đã sẵn sàng đi vào cuộc chiến. Bộ giáp với phục sức hình rồng, cừu đực, và sư tử, gợi lên hình ảnh Chimera, một sinh vật trong thần thoại tượng trưng cho sự bất hạnh.

Anh trang bị đầy đủ vũ khí, một thanh kiếm đã tuốt khỏi vỏ và tấm khiên. Phông nền tối bao quanh nhân vật chính như báo hiệu sự tàn phá đang gần kề.

Hòa Bình trong vẻ mềm mại duyên dáng của một thiếu nữ, tương phản với vẻ ngoài cứng rắn của Chiến Tranh. Cô thư thái và bình tĩnh đối mặt với sự dữ dội trong ánh mắt của anh bằng tình yêu của chính mình. Cô khẽ đặt tay lên thanh kiếm, một cú chạm nhẹ và dịu dàng, nhưng đủ sức nặng để đẩy cánh tay Chiến Tranh lui trở lại. Cô tặng anh một nhành ô liu, một biểu tượng cho hòa bình. Chiến Tranh bị sao nhãng bởi Hòa Bình: Anh chợt quên đi mâu thuẫn trong bản năng, và bảo vệ cô bằng tấm khiên của mình.

Tất cả điều này có ý nghĩa gì? "Lịch sử lặp lại chính nó", hòa bình và chiến tranh dường như xảy ra theo một chu kỳ xoay vần bất tận. Là con người, tất cả chúng ta đều mong muốn hòa bình, để tận hưởng cuộc sống.

Chúng ta có thiên hướng quý trọng mạng sống, của chính mình và của tất cả mọi người. Chúng ta trân quý và mong muốn hòa bình.

Tuy nhiên, mâu thuẫn luôn tìm mọi cách ngoi lên khi hòa bình không hoàn thành nhiệm vụ làm nó phân tâm. Hòa bình ru ngủ chính mình dưới vỏ bọc của sự tự mãn. Nghĩa là chúng ta có thể là nạn nhân của sự thoải mái trong thời bình sung túc; rồi dần dần tự đẩy mình vào một trò chơi mang tên đổ lỗi và tiêu cực vốn thường dẫn đến bạo lực. Sau đó, chúng ta nhận thấy rằng xung đột bắt đầu xuất hiện ở những nơi mà hình như không tồn tại mâu thuẫn.

PUBLIC DOMAIN

Tác phẩm 'Hòa Bình và Chiến Tranh' của họa sĩ người Ý sống vào thế kỷ 18, Pompeo Batoni.

Tác phẩm của Pompeo Batoni đã diễn tả một cách sâu sắc mối quan hệ giữa hòa bình và chiến tranh, kiến thức mà con người hiện nay cần phải biết.

Chiến tranh và mâu thuẫn giống như rễ cây, cần sự đề kháng của đất để phát triển mạnh mẽ và hướng về phía mặt trời. Đây dường như là điều ắt có của lịch sử: Mâu thuẫn xuất hiện để đưa con người tiến lên phía trước bằng thỏa hiệp và giải pháp. Nhưng mâu thuẫn sẽ trở nên nguy hiểm khi nó trở thành thông lệ, bởi vì rất hiển nhiên là bất cứ điều gì chúng ta thực hành thường xuyên sẽ ngày càng trở nên mạnh hơn.

Mâu thuẫn trong thời Hậu Hiện Đại

Trò chơi đổ lỗi này dường như là một đặc điểm phổ biến cho sự tồn tại của chúng ta, trong thời kỳ hậu hiện đại. Thật không may, chúng khiến chúng ta né tránh trách nhiệm về những thiếu sót của mình, dù tại góc độ cá nhân hay thành viên của một cộng đồng lớn hơn: Nó làm giảm sự phát triển của chúng ta ở cả hai góc độ. Nó trở nên một trò chơi nguy hiểm khi hòa bình không hiện diện để cân bằng bản chất xung đột của chiến tranh.

Trong lịch sử hiện đại, xung đột và tiêu cực đã và đang được biện minh như một phương tiện cho hòa bình. Với kỳ vọng đề cao tự do cá nhân, các hình thức xã hội truyền thống liên tục bị vùi dập, phê phán và chỉ trích. Dù sao đi nữa, đây là một loại thực hành rèn luyện khả năng phân định ranh giới. Các tín đồ sùng bái mâu thuẫn bị buộc chặt bởi một chuỗi những tiêu cực. Họ coi đây là phương tiện để đến hoà bình, nhưng lại không được chỉ dẫn đầy đủ rõ ràng. Nói cách khác, sự tồn tại của chúng ta trong thời hậu hiện đại khuyến khích sử dụng xung đột như một phương tiện để khám phá cái tôi cá nhân, mà không bao giờ đưa ra lời giải thích về việc xung đột này sẽ dẫn đến hòa bình như thế nào.

Bản chất của Hòa Bình dưới nét vẽ của Batoni thật khác biệt: Hòa Bình không bị lay chuyển bởi sự xung đột trong Chiến Tranh. Hòa Bình không phải là phản động. Hòa Bình gặp Chiến Tranh với bản chất của cô: hòa nhã và duyên dáng, hướng tới sự hòa giải và giải quyết. Gặp gỡ Chiến Tranh bằng xung đột và tiêu cực thì chẳng giải quyết được gì. Thay vào đó, cô tặng anh một món quà đầy ý nghĩa, nhánh ô liu, một biểu tượng của hòa bình, và đó là một món quà của chính cô. Cô không đổ lỗi cho Chiến Tranh bởi bóng tối bao quanh họ, hay

Tiếp theo trang 7

SỬ VIỆT

Những nhân tài lưu danh sử sách đất Việt

FOTOLIA

TRUNG HÒA

Cây có cội nước có nguồn, con người ta có tổ tiên. Đất Việt là nơi địa linh nhân kiệt, nơi xuất sinh những nhân vật tạo nên nền văn minh các thời đại. Họ là người kế thừa và lưu truyền nền văn hóa dân tộc mấy nghìn năm qua.

1. Sĩ Nhiếp

Tượng Sĩ Nhiếp.

Sĩ Nhiếp, còn gọi là Sĩ Tiếp sinh ra ở Giao Chỉ vào thế kỷ thứ II, làm Thái thú Giao Chỉ. Ông được các nhà sử học đời sau tôn xưng là Nam Giao học tổ, Sĩ Vương... Sĩ Nhiếp có công lao lớn trong việc dạy chữ, phát triển kinh tế, văn hóa, đào tạo nhân tài, và giữ được thế cuộc bình yên giữa thời chiến loạn Tam Quốc ở phương Bắc. Sử gia Lê Văn Hưu thời nhà Trần nhận xét: "Sĩ Vương biết lấy khoan hậu khiêm tốn để kính trọng kẻ sĩ, được người dân yêu mến mà đạt đến quý thịnh một thời".

Sách dạy chữ Hán cho trẻ em Việt Nam xưa là "Tứ tự kinh" có viết: "Thời nước Ngô - Tam Quốc, Sĩ Vương cai quản. Ông dạy Ngũ kinh Tứ thư, gây dựng thuần phong mỹ tục".

2. Khương Tăng Hội

Ông là tăng nhân sinh vào khoảng thế kỷ thứ III ở Giao Chỉ. Khương Tăng Hội cũng là thiền sư Việt Nam đầu tiên. Hiện nay nhiều người đang đề nghị công nhận ông là ông tổ Thiền tông Việt Nam. Thiền sư Khương Tăng Hội là một trong những người đứng đầu trung tâm Phật giáo Luy Lâu (Bắc Ninh ngày nay) - là một trong những trung tâm Phật giáo lớn trên thế giới đương thời. Ông cũng là một trong những người có công truyền Phật giáo vào Trung Quốc sớm nhất.

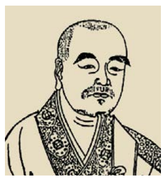

Tranh vẽ Khương Tăng Hội.

Thành Luy Lâu lại do đích thân Sĩ Nhiếp cho xây dựng lại và đặt làm trung tâm chính trị văn hóa của Giao Châu. Luy Lâu là trung tâm giao lưu kinh tế văn hóa hội tụ và kết tinh văn hoá Việt Nam với văn hoá Phật - Ấn, Nam Á và Trung Á, văn hoá Nho Lão để rồi sinh thành bản sắc văn hoá Kinh Việt. Các tăng nhân Ấn Độ theo các tăng đoàn đến Giao Châu, dần dần hình thành nên trung tâm Phật giáo lớn đương thời, sớm hơn cả hai trung tâm Phật giáo ở đất nhà Hán thời đó là Lạc Dương và Bành Thành.

3. Khuông Việt và Pháp Thuận: Hai thiền sư trợ giúp hai triều đại Đinh - Tiền Lê

Tranh vẽ Khuông Việt.

Hai triều đại mở ra nền độc lập cho nước Việt là nhà Đinh và Tiền Lê, được hai thiền sư là Khuông Việt (Đinh Tiên Hoàng phong làm quốc sư), và Pháp Thuận trợ giúp đắc lực. Cả hai ông có công lớn giúp vua về cả chính trị, ngoại giao, phát triển văn hoá giáo dục và Phật giáo.

Khi phái bộ sứ đoàn nhà Tống sang nước ta, vua Lê Đại Hành cử hai đại sư là Khuông Việt và Pháp Thuận đón tiếp. Sự kiện này đã để lại những giai thoại ngoại giao đặc sắc, trí tuệ, khiến sứ thần phương Bắc khâm phục.

Trước khi sứ thần phương Bắc là Lý Giác về nước, vua Lê Đại Hành lệnh cho thiền sư Khuông Việt viết một khúc nhạc tiễn đưa. Từ khúc "Ngọc lang quy" này còn được lưu truyền ở các thư tịch cổ của cả Việt Nam và Trung Quốc:

Trời quang, gió thuận, cánh buồm giương
Dõi theo sứ thần về cố hương
Ngàn trùng non nước vượt đại dương
Xa xôi hút dặm trường
Tình thắm thiết, xin nâng chén rượu lên đường
Cầm tay nhau, lòng vấn vương...
Nhờ đem ý nguyện người biên cương
Bày tỏ với thượng hoàng

Khi Lý Giác dẫn đầu đoàn sứ thần sang, vua sai thiền sư Pháp Thuận đóng giả anh lái đò nghênh đón. Nhìn cảnh sông nước mênh mông, đôi ngỗng trắng thong dong bơi lội, Lý Giác cảm hứng làm thơ rằng:

Song song ngỗng một đôi
Ngửa mặt ngó ven trời

Anh lái đò vẫn không dừng tay chèo ngâm nga tiếp lời:

Lông trắng phơi dòng biếc
Sóng xanh chân hồng bơi

Lý Giác vốn là Bác sĩ (tức bác học đại sĩ) Quốc Tử Giám của triều Tống, một học sĩ tài năng của nước lớn, nên có ý coi thường nước Đại Cồ Việt non trẻ, nhưng thấy anh lái đò xuất khẩu thành thơ, niêm luật chặt chẽ, lại rất hình tượng như bức họa, có đủ màu sắc trắng xanh biếc hồng, ý cảnh lại hay và thoát tục hơn hai câu của mình.Điều này đã khiến ông ta vô cùng bất ngờ và khâm phục, cũng từ đó không dám coi thường người nước Nam nữa.

Khi vua Lê Đại Hành mới lên ngôi, một số cựu thần và dòng tộc triều Đinh không phục tìm cách chống lại. Giữa lúc đó nước Tống đang chuẩn bị đem quân sang xâm chiếm, thù trong giặc ngoài, lòng dân hỗn loạn bất an. Vua hỏi kế sách quản lý quốc gia, an bang tế thế, thiền sư Pháp Thuận trả lời bằng một bài thơ mang đậm chất trí tuệ Phật giáo, lại thể hiện tâm thái tích cực nhập thế cứu đời rằng:

Vận nước như mây cuốn
Trời Nam mở thái bình
Vô vi trên điện các
Xứ xứ hết đao binh

Vô vi được giải thích trong Lục Độ Tập Kinh rằng: "Cẩn thận, không kiêu ngạo, là hạnh của học sĩ, bỏ lòng dơ ân ái, không lấm bụi bặm của sáu tình, không để các ái nhỏ như tóc tơ che giấu trong lòng mình thì các niệm lắng diệt, đó là vô vi".

Thiền sư Pháp Thuận đã thấy rõ thế cuộc nước Nam chìm trong binh đao loạn lạc, từ đô hộ ngoại bang đến loạn 12 sứ quân, rồi nhà Đinh nội loạn, dân tình rối ren, ngoại bang nhòm ngó. Bởi vậy người trên ngôi cao trong điện các cần đoàn kết quân thần đồng tâm, trên dưới một lòng, đồng thời phải khắc kỷ tu đức, bá quan bách tính mới noi theo. Tư tưởng trị quốc này cũng hoàn toàn giống với luận thuyết của Nho gia rằng: "Quản lý triều chính chính sự cần tu đức, giống như sao Bắc Đẩu, ở vị trí của nó mà muôn sao châu về". (Nguyên văn: Vi chính dĩ đức, thí như bắc thần, cư kì sở nhi chúng tinh củng chi).

4. Vạn Hạnh: Quân sư của vua Lê, thầy của vua Lý

Thiền sư Vạn Hạnh được vua Lê Đại Hành rất tín nhiệm, vua đã nhiều lần nghe theo lời khuyên của ông hòa Tống bình Chiêm giúp triều Tiền Lê được hưởng thái bình. Sư Vạn Hạnh có tài tiên tri, ông có nhiều lời sấm ký, trong đó nổi tiếng nhất là tiên đoán việc nhà Lý thay nhà Lê vào 6, 7 năm sau, khi đó thiên hạ thái bình. Ông là người tinh thông Tam giáo: Nho - Phật - Đạo, và là người thầy đã đào tạo ra vị vua anh minh Lý Công Uẩn, người sáng lập nên triều Lý và chính là người có quyết sách sáng suốt khi rời kinh đô từ Hoa Lư về Đại La, tức kinh thành Thăng Long - Hà Nội sau này, khởi đầu một trang sử mới vẻ vang và hào hùng của dân tộc.

Tượng thiền sư Vạn Hạnh

5. Trần Nhân Tông: Trẻ vinh quang, già viên mãn

Trần Nhân Tông là vị hoàng đế anh minh tài năng, hai lần đánh thắng quân Nguyên Mông (trong tổng số 3 lần đại thắng của nhà Trần). Ông còn là người tu hành đắc Đạo, là ông tổ của thiền phái Trúc Lâm của Việt Nam, hiện vẫn còn lưu truyền đến ngày nay.

Trần Nhân Tông đạt được trình độ cao về các lĩnh vực như quân sự, âm nhạc, lịch số học và thiên văn học. Ông cũng tinh thông về tam giáo Phật-Lão-Nho và am hiểu tường tận giáo lý nhà Phật.

Khi còn làm Thái tử, Trần Nhân Tông đã nhiều lần muốn nhường ngôi cho em trai nhưng không được vua cha chấp nhận. Khi đã lên ngôi vua, Trần Nhân Tông vẫn ăn chay trường, sống thanh tịnh theo Phật giáo. Khi rảnh việc triều chính, ông thường tham thiền, bái thiền sư Tuệ Trung Thượng Sĩ làm thầy, và đạt được độ thâm sâu tinh túy của thiền.

Sau lần thua Đại Việt lần thứ nhất năm 1258, hoàng đế nhà Nguyên là Hốt Tất Liệt đã sai con trai là Thoát Hoan, dẫn theo các tướng lĩnh lừng danh của Mông Cổ và của các nước sau khi đã bị nhà Nguyên chinh phục như Tây Hạ, Uzbeck... để phục thù. Nhà Nguyên dùng số quân lớn nhất trong các cuộc chiến là 50 vạn quân đánh xuống từ phía Bắc, đồng thời cử đội quân Toa Đô khoảng 20 vạn quân từ Chiêm Thành đánh lên từ phía Nam.

Trước thế mạnh và lực lượng "đông như quân Nguyên" này, rất nhiều vương tôn, quan tướng hoàng gia dao động, đề nghị xin hòa. Vua Trần Nhân Tông nói: "Bọn giặc nhiều năm phải đi xa, lương thảo chuyên chở hàng vạn dặm, thế tất mỏi mệt. Lấy nhàn chống mệt, trước hết hãy làm chúng nhụt chí, thì ắt là đánh bại được chúng". Cuối cùng quả đúng như dự liệu, quân Đại Việt đã làm nên lịch sử và chiến thắng vẻ vang.

Sau khi thua trận lần thứ 2, Hốt Tất Liệt lập tức chuẩn bị lực lượng đánh Đại Việt lần thứ 3. Quân Nguyên huy động tất cả quân tướng đã tham gia đánh Đại Việt lần 2 trước đó và bổ sung thêm nhiều viên mãnh tướng dày dạn kinh nghiệm, cùng 10 vạn quân người Mông Cổ thiện chiến, 9 vạn quân người dân tộc thiểu số Choang, chia làm 3 đường thủy bộ tấn công Đại Việt. Nhà Trần thực hiện kế sách vườn không nhà trống, rút lui khỏi Thăng Long. Sau đó mới dồn lực phản công, liên tiếp giành chiến thắng ở các trận Vạn Kiếp, Thăng Long, Vân Đồn, và cuối cùng là Chiến thắng Bạch Đằng bất hủ.

Trần Nhân Tông đã làm tròn chữ hiếu của kẻ làm con, làm trọn đạo nhân nghĩa của bậc quân vương, lấy sinh mệnh đền ơn tiên tổ, trọn trách nhiệm của bậc trượng phu với sơn hà xã tắc, trọn nghĩa vụ của bậc thiên tử chăm lo cuộc sống bách tính lê dân, an cư lạc nghiệp sau những năm chiến tranh tàn phá, trọn trách nhiệm của bậc làm cha, dạy dỗ chỉ bảo cho hoàng tử khôn lớn, đủ tài đức gánh vác non sông.

Năm 1299, Trần Nhân Tông lên Yên Tử xuất gia tu luyện. Sau khi khổ tu, khai ngộ, đắc Đạo, ngài lại thuận theo cái duyên của bậc Giác Ngộ, giáo hóa văn minh cho bách tính lê dân, hoằng dương Phật Pháp khắp xa gần, trong và ngoài bờ cõi.

Tượng vua Trần Nhân Tông.

CC BY-SA 3.0

Tượng vua Lý Nhân Tông, vị vua mang lại nhiều điềm lành nhất sử Việt (minh họa từ ảnh gốc trên Wikipedia)

SỬ VIỆT

Vị Vua mang đến nhiều điềm lành nhất trong sử Việt

TRẦN HƯNG

Vua Lý Nhân Tông là con của vua Lý Thánh Tông và Nguyên phi Ỷ Lan, sinh năm 1066. Đây là vị Vua mang đến nhiều điềm lành nhất trong lịch sử Việt Nam.

Lý Nhân Tông là vị Vua có thời gian trị vì lâu nhất Việt Nam, lên ngôi năm 7 tuổi (năm 1072) đến năm 1128 thì mất, tức hơn 55 năm. Thời kỳ này cũng đánh dấu giai đoạn thịnh trị nhất trong lịch sử nhà Lý, và là một trong những giai đoạn văn minh bậc nhất trong sử Việt.

Thuở đầu vì vua Nhân Tông nối ngôi lúc tuổi còn nhỏ nên Nguyên phi Ỷ Lan, Thái úy Lý Thường Kiệt, và Thái sư Lý Đạo Thành trở thành những trụ cột giúp giang sơn vững mạnh.

Dù đất nước bị kìm kẹp bởi liên minh Tống – Chiêm, nhưng với sự phò tá của vị tướng tài Lý Thường Kiệt, Đại Việt đã đánh Tống bình Chiêm và phá tan được thế liên minh này. Từ đó, giang sơn Việt bước vào giai đoạn toàn thịnh, văn minh phát triển rực rỡ.

Về mặt giáo dục, trước đó vào năm 1070, vua Lý Thánh Tông đã cho xây dựng Văn Miếu. Đại Việt Sử ký Toàn thư có ghi chép rằng:

Mùa thu tháng 8, làm Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối, vẽ tượng Thất thập nhị hiền, bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến đấy học.

Như vậy ngoài việc thờ các bậc thánh hiền, Văn Miếu còn là một trường học hoàng gia mà học trò đầu tiên là Thái tử Lý Càn Đức lúc đó mới năm tuổi, tức vua Nhân Tông sau này.

Vào năm 1075, vua Lý Nhân Tông đã cho tổ chức kỳ thi khoa bảng đầu tiên, khoa thi "Tam trường", để chọn 10 sĩ tử tài giỏi nhất. Trạng nguyên khoa bảng đầu tiên của Đại Việt chính là Trạng nguyên Lê Văn Thịnh (Bắc Ninh).

Ngài là người có xương trán nổi lên như mặt trời, ấy là dáng mặt của bậc Thiên Tử, và tay thì buông dài quá đầu gối.

Năm 1076 vua Lý Nhân Tông cho xây dựng trường Quốc Tử Giám bên cạnh Văn Miếu, đây được xem là trường đại học đầu tiên của Việt Nam. Rất nhiều nhân tài giúp giang sơn xã tắc giàu mạnh đều xuất thân từ ngôi trường này.

Ngoài việc phát triển Nho học và giáo dục, vì nhà Vua và mẹ (Thái hậu Linh Nhân) đều là những Phật tử mộ đạo nên đã cho xây nhiều chùa chiền và khuyến khích việc hành đạo của các thiền sư. Phật Pháp được truyền đi khắp nơi. Vua dùng Phật Pháp để giáo hóa dân chúng, khiến giang sơn thái bình, xã tắc ổn định. Nhiều việc kỳ lạ xuất hiện trong thời kỳ này đã được ghi chép trong Đại Việt Sử ký Toàn thư.

CC BY 2.0

Đại trung môn – Văn Miếu.

Năm 1083 "Rồng vàng bay từ điện Từ Thần đến điện Hội Long"

Năm 1117 "tháng 3, ngày Bính Thìn, vua ngự đến núi Chương Sơn để khánh thành bảo tháp Vạn Phong Thành Thiện. Có rồng vàng hiện". Núi Chương Sơn chính là núi Ngô Xá ở xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam ngày nay; bảo tháp Vạn Phong Thành Thiện từ thời Lý Nhân Tông đến nay vẫn còn.

Cũng trong năm 1117, Đại Việt Sử ký Toàn thư ghi nhận: "Rồng vàng hiện ở bảo đài, cầu đảo ở Động Linh".

Trong lịch sử, hiện tượng "móc ngọt" (tức mưa ngọt) là rất hiếm, nếu xuất hiện được xem là điềm lành. Thời vua Lý Nhân Tông xuất hiện 3 lần "móc ngọt" đều được ghi chép lại trong Đại Việt Sử ký Toàn thư.

Năm 1080 "mùa thu, tháng 8, móc ngọt xuống. Vua đem đua thuyền".

Năm 1111, 1112 cả nước được mùa lớn, xuất hiện mặt trời có hai quầng. "Nhâm Thìn, (Hội Tường Đại Khánh) năm thứ 3 (1112), (Tống Chính Hòa năm thứ 2). Mùa xuân, móc ngọt xuống".

Năm 1118 "có mọc ngọt xuống, vua tự tay viết tám chữ, 'Thiên hạ thái bình, thánh cung vạn tuế' vào bia, sai thợ khắc."

Không chỉ coi trọng giáo hóa dân chúng, Lý Nhân Tông rất quan tâm đến nông nghiệp – thủy lợi. Ông được xem là người khởi công đắp những con đê lớn đầu tiên của Đại Việt. Tháng 9 âm lịch năm 1077, triều đình sai đắp đê trên sông Như Nguyệt, sách Đại Việt sử lược mô tả đê này "dài 67,380 bộ".

Đại Việt sử lược cũng chép rằng năm 1103, nhà vua ra lệnh cho cư dân Thăng Long làm đê chống lũ, ở cả nội đô lẫn ngoại ô. Mùa xuân năm 1108, Nhân Tông sai đắp đê tại Cơ Xá – đây là đoạn đê sông Hồng gần cầu Long Biên ngày nay.

Năm 1117, Nhân Tông theo lời Thái hậu, ra quy định cấm giết trâu bò bừa bãi: ai mổ trộm trâu bị phạt 80 trượng và bị tội phải làm người hầu trong quân đội; người giết trâu và ăn trộm trâu đều phải bồi thường; hàng xóm biết mà không tố cáo cũng bị phạt 80 trượng.

Bấy giờ đất nước thường được mùa, hoặc trúng mùa lớn. Nếu khi hạn hán mất mùa thường mở kho lương phát chẩn, giảm tô dịch, đất nước nhanh chóng cường thịnh. Nhân Tông rất thường hay xem gặt lúa ở các nơi, cũng như xem bắt voi, lễ hội... để tỏ rõ sự cường thịnh của Đại Việt lúc đó.

Đánh giá về vua Lý Nhân Tông, cuốn "Đại Việt Sử lược" thời nhà Trần có ghi rằng:

Ngài là người có xương trán nổi lên như mặt trời, ấy là dáng mặt của bậc Thiên Tử, và tay thì buông dài quá đầu gối.

Trong bài "Đại Việt thông giám tổng luận", sử thần Lê Tung nhận xét rằng:

"Nhân Tông tính trời nhân hiếu, có tiếng đức tốt, kén chọn và coi trọng danh thần, đặt khoa thi tiến sĩ, có quan hầu kinh diên, xuống chiếu mở đường nói, câu người hiền, nghe lời can, nhẹ thuế khoá, ít phu dịch, cho nên thân được hưởng thái bình, dân trở nên giàu thịnh, đáng gọi là bậc vua giỏi nối đời thái bình vậy".

Ngẫm lại, chúng ta thường tự hào về những trang sử đánh bại quân xâm lược của cha ông, nhưng đôi khi lại lãng quên những thời kỳ thịnh trị xứng đáng ngưỡng vọng.

ALL PHOTOS BY SHUTTERSTOCK

NHÂN SINH CẢM NGỘ

Tâm nhẫn nại

TUYẾT MINH

Con người muốn thành tài cần phải tôi luyện rèn giũa trong gian khổ, phải kiên trì nhẫn nại để trở nên bản lĩnh kiên cường.

Ngày xưa, trong một ngôi thành cổ, người dân tôn kính Phật Pháp đã cùng nhau xây một ngôi chùa rất lớn. Ngôi chùa trang nghiêm, cổ kính, thanh tịnh, chỉ thiếu một bức tượng Phật để người dân dâng hương bái lạy, cầu nguyện tu tâm. Người dân trong thành muốn biểu đạt sự kính ngưỡng của mình nên đã mời một nhà điêu khắc nổi tiếng về tạc tượng.

Nhà điêu khắc cảm nhận được sự chân thành của dân chúng bèn tự mình lên núi cao chọn đá. Công sức khó nhọc bỏ ra không phụ lòng người, cuối cùng ông cũng tìm được một tảng đá lớn. Tảng đá quá lớn nên ông đành phải xẻ làm hai nữa.

Nhà điêu khắc chọn lấy một nửa, cầm đục lên và bắt đầu công việc. Trong quá trình chạm khắc, nửa tảng đá này không thể nhẫn nại nổi. Nó nói với nhà điêu khắc: "Đau quá, ông có thể nhẹ tay một chút được không? Tôi quanh năm dầm mưa dãi nắng trên núi cao, trước nay chưa hề đau đớn như thế này. Ông chạm trổ từng nhát từng nhát một, thực sự có thể khiến tôi trở thành một pho tượng Phật sao?"

Nhà điêu khắc nói: "Nhẫn nại là cả một quá trình, chỉ cần có nhận thức kiên định, tận cùng của đau khổ chính là sự đổi mới. Nếu nhà ngươi tin ta thì hãy tiếp tục nhẫn nại." Tảng đá nghĩ hồi lâu, rồi nói với nhà điêu khắc: "Tôi nghe ông. Nhưng khi nào ông mới tạc xong?" Nhà điêu khắc bỏ cái đục trong tay xuống, nói với tảng đá: "Ta mới chỉ bắt đầu công việc. Nhà ngươi còn phải nhẫn nại vô số ngày nữa. Sau khi tạc xong nếu mọi người chưa vừa ý, còn phải sửa thêm. Nhưng nếu mọi người vừa ý, ngươi sẽ trở thành một pho tượng Phật".

Tảng đá trầm mặc hồi lâu. Nó vừa muốn được tự hào trở thành một pho tượng Phật mà người người bái lạy, vừa thấy khó có thể chịu đựng được nỗi đau cùng cực bị chạm trổ này. Sau vài tiếng đồng hồ, nó không chịu nổi và la lên: "Đau chết tôi mất, đau chết tôi mất. Ông hãy dừng tay, đừng dùng cái đục chạm trổ tôi nữa. Tôi thực sự chịu không nổi sự đau đớn này." Nhà điêu khắc ngưng chạm trổ, chỉ đơn giản xẻ nó thành một phiến đá hình vuông, để sau này chêm dưới miếu đường. Sau đó ông lấy nửa tảng đá còn lại để bắt đầu công việc.

Sau một hồi dao mài búa gõ, nhà điêu khắc tò mò hỏi tảng đá: "Nhà ngươi có thấy đau đớn khôn cùng không?" Tảng đá được lựa chọn lần này đáp: "Tôi và tảng đá lúc trước vốn từng là một, cảm giác đau đớn khôn cùng cũng giống nhau. Nhưng tôi không thể dễ dàng bỏ cuộc." Nhà điêu khắc hỏi: "Sao nhà ngươi không yêu cầu ta nhẹ tay một chút khi chạm khắc?" Tảng đá đáp: "Nếu tôi yêu cầu ông nhẹ tay một chút, pho tượng Phật sẽ có những chỗ không thể chạm khắc tinh tế, sẽ bị chạm khắc lại từ đầu. Chỉ bằng ông làm đến nơi đến chốn, không phải lãng phí thời gian của mọi người."

Không gọt giũa thì không thành báu vật, chỉ có dùng nghị lực kiên cường mà trải qua rèn giũa mới có thể thành công.

Nhà điêu khắc nghe xong thầm khen ngợi tính cách kiên định của tảng đá thứ hai, bèn vui vẻ bắt tay vào công việc. Trải qua nhiều ngày nhẫn nại, một pho tượng tuyệt đẹp cuối cùng cũng được chạm trổ thành công.

Không lâu sau, pho tượng Phật tôn nghiêm sừng sững được dựng lên trong ngôi chùa. Những vị sư đức độ nhất được mời đến để tụng kinh khai quang tượng Phật. Sau đó, người dân trong thành đều cung kính dâng hương, bái lạy. Ngày càng nhiều người phương xa tìm đến chùa, dòng người liên tục không ngớt. Một hôm, tảng đá bị chêm dưới miếu đường nói với bức tượng : "Sao ngươi lại được ở trên cao, được mọi người bái lạy? Còn ta hàng ngày phải bị ngàn người giẫm đạp, giẫm lên thân ta mà bái lạy ngươi?" Pho tượng Phật, trải qua những nghi thức thành kính trang nghiêm nhất, sinh mệnh bên trong đó đã sớm không còn chỉ là sinh mệnh bên trong tảng đá ngày nào, mỉm cười từ bi đáp: "Tạo một phiến đá rất đơn giản, còn tượng Phật phải trải qua vô số lần chạm khắc. Sứ mệnh của tượng Phật là chuyển tải sự từ bi của Đức Phật, chuyển tải ước nguyện giải thoát của chúng sinh."

Trong cuộc sống, sự nhẫn nại và ham muốn sẽ mang đến những kết quả khác nhau. Nếu như vì ngại khó sợ khổ mà sớm bỏ cuộc, thì sẽ không bao giờ đạt tới được kết quả hoàn mỹ nhất. Không gọt giũa thì không thành báu vật, chỉ có dùng nghị lực kiên cường mà trải qua rèn giũa mới có thể thành công.

Người giữ chữ tín tất được người đời kính trọng

HIẾU VĂN

Người có chữ tín thì lời nói ra ắt phải làm được, lời đã hứa ắt phải thực hiện. Người đó sẽ xây dựng được danh tiếng và uy đức cho bản thân, được người đời kính trọng.

Người mà không có chữ tín thì làm sao có chỗ đứng ở thế gian?

Các bậc chính nhân quân tử từ xưa đến nay đều rất coi trọng người biết giữ chữ tín. Thời cổ đại, thành tín đã trở thành bảo bối cho nhiều người tu dưỡng bản thân, nhiều bậc chính nhân quân tử vì một chữ "tín" mà không màng sống chết. Các thành ngữ như: "Nhất nặc thiên kim" (một lời hứa đáng giá ngàn vàng); "quân tử nhất ngôn, tứ mã nan truy" (lời người quân tử nói ra, bốn ngựa khó theo, ý rằng người quân tử nói một lời khó mà thay đổi được, cần phải thực hiện được lời nói đó) và "nhất ngôn cửu đỉnh" (một lời nói nặng tựa cửu đỉnh, ý rằng rất trọng lời nói)... đã phản ánh được tầm quan trọng của việc giữ chữ tín và việc thực hiện nó.

Trong con mắt người xưa, thành tín là vô giá. Phàm là bậc chính nhân quân tử cần phải biết giữ chữ tín, giữ lời hứa, ngôn nhi vô tín (nói mà không giữ chữ tín) ắt là hành vi của kẻ tiểu nhân. Quan Vũ tuy là bậc võ tướng nhưng không phải vì võ nghệ cao cường mà được lưu danh thiên cổ, được hậu nhân tôn sùng bất chấp thời gian... mà vì ông là một bậc chính nhân quân tử biết giữ chữ tín, trọng lời hứa.

Nói về thành tín, các nhà hiền triết phương đông hình như đều suy nghĩ giống nhau. Khổng Tử nói: "Tự cổ giai hữu tử, dân vô tín bất lập" (Xưa nay không ai tránh khỏi cái chết, dân không tin thì người cầm quyền không thể đứng vững). Mạnh Tử nói: "Thành giả, thiên chi đạo dã; tư thành giả, nhân chi đạo dã." (Chân thực thành tín là Đạo của Trời. Suy nghĩ và thực hiện được chân thực thành tín là Đạo của con người).

Từ xưa đến nay, kiên trì thành tín trở thành thông lệ trong việc đối nhân xử thế, trong chính trị và kinh doanh. Hình tượng về việc kiên trì giữ gìn thành tín như vậy đã trở thành hình mẫu cho con người.

EPOCH TIMES/SHUTTERSTOCK

Làm một chính nhân quân tử, lời nói ra ắt phải làm được, lời đã hứa ắt phải thực hiện.

Lý Bạch cũng viết trong thơ "Hiệp Khách Hành" của ông:

Tam bôi thổ nhiên nặc,
Ngũ nhạc đảo vi khinh.

Tạm dịch:

Ba chén rượu hứa một lời
Ngũ Nhạc - năm núi chuyển dời nhẹ tênh.

Trong bài thơ "Trường Can Hành" của đại thi hào gia nhà Đường Lý Bạch, có câu thơ như sau:

Thường tồn bão trụ tín
Khải thượng vọng phu đài.

Tạm dịch (theo Hà Huyên):

Giữ niềm son sắt về sau
Há lên đài vọng phu sầu hay sao?

Hai câu thơ bao hàm hai điển cố mang ý nghĩa cao đẹp. "Bão trụ tín" nói về câu chuyện đôi trai gái hẹn gặp nhau dưới cầu. Đến hẹn, người con gái vẫn chưa tới, nước sông liên dân dâng lên. Người con trai vì không muốn mất đi chữ tín nên kiên trì chờ đợi, bám trụ lấy cây cầu, đợi cho đến khi chết đuối.

"Vọng phu đài" là nói về một người phụ nữ có chồng đi làm phương xa có hẹn ngày về. Nhưng đến ngày hẹn mà anh chưa về, nên người vợ vẫn mãi đứng trên đài cao, ánh mắt dõi nhìn về phương xa ấy, đợi người chồng trở về, cuối cùng hoá thành một tảng đá, vĩnh viễn đứng tại nơi đó.

Thời Xuân thu Chiến quốc, nước Ngụy nằm tại vùng trung tâm, tuy không phải là một nước chư hầu lớn, nhưng hiền triết bốn phương đều tụ hợp tại đó, lập nên thế nước trăm năm không suy yếu, âu cũng là hưởng lợi nhờ việc giữ tín trọng nghĩa của Ngụy Văn Hầu. Lịch sử chép lại, có một lần Ngụy Văn Hầu cùng các quần thần uống rượu, đúng lúc tiệc vui thì trời đổ cơn mưa. Ông bỏ chai rượu xuống, rời khỏi bữa tiệc và quay về sơn trại. Mọi người đều khuyên ông: "đúng lúc rượu vào cao hứng, trời lại đổ cơn mưa, ngài muốn về sơn trại để làm gì vậy?" Ngụy Văn Hầu nói: "Tôi đã có hẹn đi săn với những người trên núi, không thể thất hứa với họ được". Ngụy Văn Hầu đối với những chuyện nhỏ trong cuộc sống thường ngày đều có thể giữ trọn chữ tín như vậy, bảo sao hiền sỹ tứ phương đều nguyện dâng cả tính mạng theo ông.

Thành tín không chỉ là cần giữ lời hứa, mà còn cần có niềm tin vững chắc.

Thời nhà Thanh, có một thương nhân tên Thái Lâm ở huyện Ngô thuộc vùng Tô Châu, ông được biết đến vì rất trọng lời hứa và giữ chữ tín. Có một người bạn đem cả nghìn vàng để tại nhà ông mà không cần đến bất kỳ chứng nhận nào. Không lâu sau người bạn lâm bệnh, Thái Lâm liền gọi con trai của bạn đến, đưa lại toàn bộ số tiền vàng. Con trai người bạn đó không muốn nhận số tiền mà không có lý do, anh nói: "Làm sao có chuyện này được, nhiều tiền bạc như vật lẽ nào không có lấy một chứng nhận gì sao? Hơn nữa, cha tôi trước giờ đều không nhắc tới chuyện này."

Thái Lâm nghe xong, vừa cười vừa nói: "Biên lai nằm trong tâm ta, không có nằm trên giấy, đó là vì cha của con hiểu được ta, vì vậy ông ấy mới không nói cho con."

Kinh Thánh của Tây phương cũng đã viết: "Thành tín giá trị lớn hơn tiền bạc phú quý."

Thời nay, chữ tín còn cần thiết hay không?

Ngẫm chuyện xưa mà nghĩ chuyện nay, trong trào lưu văn hóa "hiện đại" này, người ta nói dối một câu cũng không hề gì, thất hứa một lần cũng không sao. Đơn cử từ một việc nhỏ, khi chúng ta có hẹn với bạn mình, ta đến muộn một phút, ta cho rằng không hề gì, hai phút cũng không hề gì, lâu dần năm phút nửa tiếng cũng hoàn toàn không thấy hổ thẹn nữa... chính là vì ta vẫn nghĩ rằng "không hề gì", kỳ thực chính là không trọng lời nói, vừa đánh mất chữ tín, vừa không nghĩ đến cảm nhận của đối phương.

Thành tín không chỉ là cần giữ lời hứa, mà còn cần có niềm tin vững chắc. Trên thực tế dù có nói thuyết nghìn lời mà không thực hiện thì vô ích. Nếu như chính phủ một quốc gia hay ngay cả người lớn trong gia đình thường tuỳ tiện phát ngôn, ắt hẳn "thượng bất chính, hạ tác loạn", các vấn đề xã hội sẽ liên tiếp xuất hiện, trong xã hội sẽ hình thành một hoàn cảnh lừa dối lẫn nhau, hại người hại mình. Giáo dục là tự thân thực hiện chứ không phải chỉ là nói suông trên miệng. Làm một chính nhân quân tử, lời nói ra ắt phải làm được, lời đã hứa ắt phải thực hiện. Người có chữ tín trong xã hội, sẽ xây dựng được danh tiếng và uy đức cho bản thân, được người đời kính trọng.

SHUTTERSTOCK

Đạo Đức Kinh: Đạo trị quốc của bậc quân chủ tài đức vẹn toàn

AN HÒA

Sự hưng suy của đất nước phụ thuộc rất nhiều vào tài đức của bậc quân chủ. Người ấy phải xuất chúng hơn người và phải đề cao việc tu dưỡng đạo đức. Muốn gánh vác được trọng trách vừa lợi cho dân, vừa tránh được tai họa cho mình cần phải hiểu được bốn đạo lý sau.

1. Tự khắc chế bản thân

Chương 37 sách "Đạo Đức Kinh" viết: "Bất dục dĩ tĩnh, thiên hạ tự chính", ý nói không có tham vọng thì sẽ dễ yên tĩnh, do đó thiên hạ tự sẽ chính. Bậc quân chủ mà có thể kìm chế được lợi ích cá nhân thì xã hội tự nhiên sẽ tốt đẹp.

Khổng Tử cũng có tư tưởng tương đồng, ông giảng rằng: "Người ở trên phải chính, lấy chính dẫn dắt người thì thiên hạ ai không chính?"

Chính hay không là ở người nắm quyền, một người nhân đức, một nước nhân đức, một người không tranh, cả nước không tranh, một kẻ tham lam tàn bạo, một nước rối loạn. Đây gọi là một người mà định quốc.

Những minh quân thời xưa đều biết rõ đại nghĩa trị quốc này nên đều tu dưỡng thiện tính thiên phú của bản thân, tu thành quân tử đại đức xứng với Thiên Địa. Đây được coi là nhiệm vụ chính yếu của bậc quân chủ, không dám có chút bê trễ.

2. Không tham tích trữ cho mình

Chương 19 sách "Đạo Đức Kinh" viết rằng: "Kiến tố bão phác, thiểu tư quả dục", tức là thấy nguyên sơ, giữ mộc mạc, giảm suy nghĩ, bớt dục vọng. Đây là yêu cầu nhân cách lý tưởng đối với bậc quân chủ tài đức hay các danh sĩ có nhân cách cao thượng.

Lão Tử còn cho rằng ham hưởng thụ vật chất trong thế giới muôn màu muôn vẻ sẽ khiến người ta mù mắt, những loại âm nhạc phóng túng mê hoặc khiến người ta tê liệt cảm xúc, phóng ngựa săn thú hành lạc khiến tính cách người ta phát cuồng, những bảo vật trân quý sẽ khiến người ta vì muốn có được mà làm ra những việc trái lương tâm.

Chương 81 sách "Đạo Đức Kinh" viết: "Thánh nhân không tích trữ. Càng vì người, mình càng có. Càng cho người mình càng thêm nhiều. Đạo trời lợi mà không hại. Đạo thánh nhân làm mà không tranh". Cho nên bậc quân chủ không tích trữ nhiều, tài phú của bản thân nên để cứu trợ mọi người, hoàn toàn một lòng vì dân chúng, cho người khác càng nhiều thì bản thân sẽ càng cảm thấy mình sung túc.

PUBLIC DOMAIN

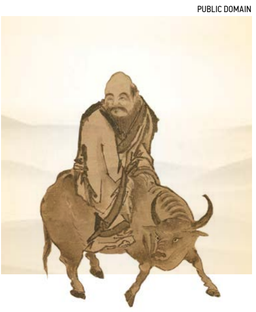

Tranh vẽ Lão Tử, tác giả của cuốn sách "Đạo Đức Kinh" lưu danh thiên cổ.

Ai dám nhận lấy dơ bẩn của quốc gia mới có thể làm chủ xã tắc, ai dám gánh chịu tai họa của quốc gia mới có thể làm vua thiên hạ.

Đạo Đức Kinh

3. Tư dục là nguồn gốc của tội ác

Chương 46 sách "Đạo Đức Kinh" viết: "Không họa nào lớn bằng không biết đủ, không hại nào lớn bằng ham muốn có được, cho nên biết cho mình là có đủ thì sẽ luôn luôn đủ". Có câu rằng: "Cao ốc ngàn gian, đêm nằm ngủ cũng không quá hai mét, ruộng tốt vạn khoảnh, ngày ăn cũng không quá ba bữa". Vậy hà cớ gì người ta không biết đủ, mà phải lao tâm khổ tứ truy cầu nhiều thứ như thế?

Lão Tử không cho rằng con người phải tuyệt dục, nhưng đối với những dục vọng về tiền tài của cải, danh vọng thì cần phải biết tiết chế, biết đủ biết dừng, phải giảm bớt đi. Từ xưa đến nay biết bao nhiêu người vì tư dục, vì tham lam danh vọng của cải, không biết đủ mà chìm vào vũng bùn tội lỗi để người đời chê cười. Các gian thần, các vị vua mất nước, phần nhiều đều như vậy.

4. Gánh vác trách nhiệm khi đất nước gặp tai ương

Chương 78 sách "Đạo Đức Kinh" viết: "Ai dám nhận lấy dơ bẩn của quốc gia mới có thể làm chủ xã tắc, ai dám gánh chịu tai họa của quốc gia mới có thể làm vua thiên hạ". Người thượng thiện phải giống như nước, vinh viên ở chỗ thấp, có thể đi đến chỗ dơ bẩn mà mọi người chán ghét nhất.

Bậc quân chủ tài đức cũng nên là như vậy, có thể gánh các trách nhiệm khi đất nước gặp khuất nhục và tai ương. Đó mới thực sự là chủ nhân của xã tắc, là quân vương của đất nước. Quân vương sẽ không trốn tránh khi đất nước nguy nan, lại không tranh giành địa vị quyền lực khi đất nước hưng thịnh.

Đức hạnh và phẩm cách

Bài học từ Winston Churchill

JEFF MINICK

Ông là Thủ tướng Anh nổi tiếng nhất trong thời Chiến tranh Thế giới thứ 2, là người duy nhất nhận giải Nobel Văn học. Ông được coi là một trong những nhà lãnh đạo quan trọng nhất trong lịch sử Anh và là người đầu tiên được công nhận là Công dân danh dự Hoa Kỳ. Phẩm chất đạo đức của ông để lại cho chúng ta bài học gì?

Dám nhìn thẳng vào bản chất của sự thật

Khi Thủ tướng Anh Neville Chamberlain trở về từ Munich năm 1938 để thông báo rằng ông đã gặp các nhà lãnh đạo Đức và đã mang lại Hòa bình cho thời đại của chúng ta, ông Church Churchill đã đứng tại Tòa nhà Quốc hội và trả lời, chúng ta đã duy trì một thất bại bi thảm và không được thừa nhận.

Hơn bất kỳ nhân vật chính trị lớn nào khác ở hai bờ Đại Tây Dương, Churchill đã nghiên cứu về Đức Quốc xã, biết rõ bản chất của họ và khinh miệt những người quá thờ ơ hoặc quá sợ hãi mà lẩn trốn sự thật.

Sống vui vẻ lạc quan

Churchill kiếm được nhiều tiền bằng cách viết các bài báo và sách, và vào năm 1953 đã giành giải thưởng Nobel về văn học cho việc bảo vệ các giá trị nhân văn.

Ông tìm thấy niềm vui trong việc vẽ tranh sơn dầu và nuôi động vật trong trang trại. Ông làm việc trong say mê. Trong suốt cuộc đời của mình, ông luôn giữ tâm hồn của mình trong ngây thơ, trong sáng như một đứa trẻ.

Tôn trọng và yêu thương người bạn đời

Đối với Churchill, bà Clementine vừa là một cố vấn trưởng của ông vừa là người vợ, người mẹ của các con ông. Trong những bức thư còn sót lại của họ cho thấy tình yêu sâu sắc của ông dành cho bà và sự tin tưởng của ông trước mọi quyết định của bà. Trong thư họ gọi nhau bằng những từ ngữ trìu mến và yêu thương.

Đủ bản lĩnh để có thể khóc

Khi nói về mình, Churchill thường nói rằng ông là người rất dễ xúc động. Khi ông nhìn thấy một lá cờ, một bài thơ, sự dũng cảm của người Anh trong thời Blitz, một bức tranh về một con lừa sắp chết, cái chết của một người bạn hoặc một đứa trẻ... đều khiến ông có thể rơi lệ. Ông cho rằng, một người đàn ông có thể thật sự rơi nước mắt không có nghĩa rằng họ yếu đuối.

Dũng cảm chiến đấu cho những gì tốt đẹp

Churchill trong thời gian làm thủ tướng Anh, ông đã bị khinh miệt là một kẻ thất bại. Ông bị đổ lỗi cho sự thất bại tại Gallipoli trong Thế chiến I. Nhiều chính trị gia và phóng viên tin tức chỉ trích ông vì những nỗ lực của ông để giữ cho Anh nguyên vẹn. Những năm 1930, ông bị cô lập về mặt chính trị bởi những cảnh báo liên tục của mình về mối đe dọa của Đức Quốc xã.

Mặc dù chịu rất nhiều áp lực và chỉ trích nhưng ông luôn nhận được sự khích lệ, dũng cảm bước qua chúng và tiếp tục đấu tranh cho những lí tưởng tốt đẹp nhất cho nước Anh.

Bao dung với kẻ thù

Neville Chamberlain là người luôn phản kích, xúc phạm, bôi nhọ danh dự của Churchill. Nhưng khi Neville Chamberlain từ chức và Churchill trở thành thủ tướng, Churchill đã cho phép Chamberlain ở lại một thời gian tại số 10 Downing St, thậm chí đưa ông ta vào nội các của mình.

Chiến đấu dũng cảm và kiên trì cho lý tưởng của mình

Chúng ta đều quen thuộc với bài phát biểu thời chiến của Churchill: không bao giờ nhượng bộ, không bao giờ... dù đó là việc lớn hay nhỏ, không bao giờ bỏ cuộc vì danh dự và lý tưởng tốt đẹp. Ông khích lệ thế hệ trẻ biết tôn vinh và chiến đấu vì nghĩa cử tốt đẹp, vì nguyên tắc của chính bản thân.

Không ngừng học hỏi

Học hỏi tất cả những đức tính tốt đẹp từ những người xung quanh. Không ngừng vun đắp đức tin, xây dựng giá trị tinh thần bằng những việc gìn giữ đức hạnh và phẩm chất tốt đẹp của mình. Sống mẫu mực và luôn truyền cảm hứng cho thế hệ tương lai.

Ngọc Nhi biên dịch.

SMITHSONIAN INSTITUTION

Chân dung Thủ tướng Anh Winston Churchill, 1946, được vẽ bởi hoạ sỹ Douglas Granville Chandor. Món quà của Bernard Mannes Baruch, thuộc bộ sưu tập ảnh chân dung quốc gia, Viện Smithsonian.

KEYSTONE/GETTY IMAGES

Churchill vẫy tay chào đám đông ở phố Downing, ngày 19/8/1941.

CENTRAL PRESS/HULTON ARCHIVE/GETTY IMAGES

Churchill và vợ, bà Clementine Churchill tại trường đua Epsom, ngày 4 /6/1949.

Winston Churchill cho rằng, một người đàn ông có thể thật sự rơi nước mắt không có nghĩa rằng họ yếu đuối.

KEYSTONE/GETTY IMAGES

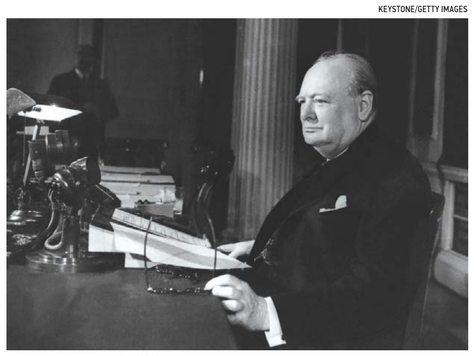

Winston Churchill ngày 8/5/1945.

HULTON ARCHIVE/GETTY IMAGES

Churchill năm 19 tuổi, khi đó là một trung úy.

J. A. HAMPTON/TOPICAL PRESS AGENCY/GETTY IMAGES

Churchill giữa đống đổ nát ở London trong cuộc oanh kích của Đức Quốc xã (Blitz) vào Thế chiến II, đêm giao thừa năm 1940.

FOX PHOTOS/GETTY IMAGES

Churchill vẽ tranh bên bờ hồ Geneva.

Đi tìm giá trị thực sự của hạnh phúc trong tình yêu và hôn nhân

MADALINA HUBERT

BBC

Hai nhân vật chính Fitzwilliam Darcy (Colin Firth) và Elizabeth Bennet (Jennifer Ehle) trong bộ phim "Pride and Prejudice" của BBC năm 1995.

"Kiêu hãnh và Định kiến" của Jane Austen (Pride and Prejudice) là một tác phẩm không chỉ có giá trị văn học mà còn là lời nhắc nhở rằng, chúng ta sẽ hạnh phúc thực sự trong tình yêu và hôn nhân khi chúng ta tự thay đổi bản thân mình, biết tôn trọng và có đánh giá tích cực về nhau.

Giá trị của khiêm nhường

Mối quan hệ sẽ trở nên tồi tệ khi cả hai đều ôm giữ cái tôi của mình. Cuộc tranh luận sẽ không có hồi kết khi một trong hai bên không thể nhân nhịn nhau. Trong tình yêu và hôn nhân cũng như vậy. Nó không phải là phép tính một cộng một để bằng hai, mà phải là một nửa cộng một nửa để bằng một. Có nghĩa cả hai bên đều phải vứt bỏ đi một nửa cái tôi của mình để phù hợp với nửa còn lại, để có thể trở thành một sự hoàn chỉnh cho hai mảnh ghép độc lập riêng biệt.

Các nhân vật chính trong "Kiêu hãnh và Định kiến" cũng đều phải trải qua đau khổ vì những thất bại của mình nhưng họ đã vượt qua và cuối cùng họ có được hạnh phúc bên nhau. Darcy anh chàng đẹp trai và vô cùng giàu có. Anh mang trong mình sự tự tin và niềm kiêu hãnh. Chàng trai trẻ đã vô tình lăng mạ Elizabeth khi họ gặp nhau lần đầu. Lòng kiêu hãnh bị tổn thương, Elizabeth trở nên thành kiến mạnh mẽ đối với Darcy. Cô ôm giữ định kiến về Darcy. Cả hai đều ôm giữ trong mình những định kiến không thể vứt bỏ để rồi họ lỡ nhịp yêu thương. Cái giá phải trả là họ phải mất rất nhiều nỗ lực và đau khổ để tháo gỡ những nút thắt của kiêu hãnh và định kiến.

Gốc rễ của mọi mâu thuẫn đều nằm ở việc chúng ta không thể thừa nhận đối phương. Sự tự tin thái quá hay thái độ thiếu tôn trọng đã đủ làm hỏng đi những điều tốt đẹp có thể có trong tương lai. Học cách khiêm nhường và tôn trọng là bài học đầu tiên để xây dựng một mối quan hệ tốt đẹp và gìn giữ hòa khí trong bất kỳ giao tiếp xã hội nào.

Dám nhìn thẳng vào bản thân và tự thay đổi chính mình

Trong "Kiêu hãnh và Định kiến", Austen thể hiện một con mắt sắc sảo khi phơi bày các thói hư tật xấu trong bản chất con người, nhưng bà cũng tin vào khả năng tự thay đổi chính mình của họ.

PUBLIC DOMAIN

Chân dung Jane Austen, 1873, từ Phòng trưng bày Chân dung của Perry–Castañeda Library thuộc Đại học Texas ở Austin.

Hạnh phúc sẽ đến khi chúng ta khiêm nhường, tôn trọng và dành tình yêu chân thành cho nhau.

PUBLIC DOMAIN

Bức vẽ Elizabeth và Darcy, từ "Pride and Prejudice" . Minh họa bởi Hugh Thomson, năm 1894 ở Luân Đôn.

Hai nhân vật chính Elizabeth Bennet và Fitzwilliam Darcy đều có những thói xấu. Họ mắc sai lầm và bị mù quáng bởi niềm kiêu hãnh và định kiến khi tiếp xúc với nhau. Kết quả là họ làm tổn thương nhau và gần như bỏ lỡ cơ hội tìm thấy hạnh phúc.

Tuy nhiên, về cơ bản họ là những người tốt. Họ có thể nhìn vào chính bản thân mình tìm ra lỗi lầm và cải thiện tính cách của mình. Với trái tim khiêm nhường, họ buông bỏ niềm kiêu hãnh và định kiến, bắt đầu đối xử với nhau bằng sự tôn trọng và đánh giá cao lẫn nhau.

Chúng ta thấy điều này khi Darcy bày tỏ lòng biết ơn đối với Elizabeth vì đã giúp anh nhận ra sự ích kỷ của mình. Anh nói với cô, "Tôi được dạy về những điều đúng đắn khi còn nhỏ, nhưng tôi không được dạy cách điều chỉnh tính khí của mình. Tôi đã được học những nguyên tắc tốt đẹp nhưng lại bỏ qua chúng để rồi bị dẫn dắt bởi sự tự tin thái quá để trở thành tự phụ. Nhờ có em mà tôi đã học được cách khiêm tốn".

Elizabeth cũng sẵn sàng thừa nhận lỗi lầm của mình. Một khi biết được những thành kiến đã làm cô mù quáng trước bản chất tính cách tốt đẹp thực sự của Darcy, cô đã đối mặt với những thiếu sót của mình một cách trung thực: "Chính sự kiêu hãnh đã lấy mất đi tình yêu của em... Cho đến lúc này, em chưa bao giờ hiểu rõ bản thân mình". Sau khi nhận ra điều này, cô xem xét lại quan điểm của mình về Darcy và đã đánh giá anh cao hơn.

Học cách cư xử và kiềm chế bản thân

"Kiêu hãnh và Định kiến" cuốn hút nhiều người bởi nó tái hiện lên lối sống văn minh và cách cư xử lịch thiệp của xã hội ở thế kỷ 19. Người đàn ông đứng lên, thể hiện sự tôn trọng đối với phụ nữ khi họ bước vào, khiêu vũ với thái độ tôn trọng. Mọi người đều coi trọng đạo đức.

Điều quan trọng hơn cả đó là mỗi con người đều tự kiểm soát được mình, kiềm chế được hành vi bản thân. Ví dụ cảnh cầu hôn đầu tiên của Darcy dành cho Elizabeth. Tin rằng cô sẽ chấp nhận anh, anh đã sốc khi bị cô từ chối một cách thẳng thắn. Trong cảnh này, Austen đã nhấn mạnh rằng mặc dù tức giận nhưng anh vẫn có thể kiểm soát cảm xúc của mình.

"Kiêu hãnh và Định kiến" đã để lại bài học về vứt bỏ kiêu hãnh và định kiến trong tình yêu và hôn nhân. Hạnh phúc sẽ đến khi chúng ta khiêm nhường, tôn trọng và dành tình yêu chân thành cho nhau. Cuối cùng cả gia đình đều có thể có được niềm vui và hạnh phúc từ mối quan hệ của họ.

Tác phẩm còn là một lời nhắc nhở rằng hạnh phúc thực sự nằm ở sự thay đổi chính mình. Cần đặt con mắt vào chính bản thân mình để tìm ra những sai sót của bản thân và sửa đổi nó. Chúng ta cần học cách tôn trọng và nhìn vào những điểm tốt của nhau mà trở nên bao dung hơn với những sai lầm nhỏ, từ đó chúng ta sẽ biết cách nhìn nhận và đánh giá tích cực về nhau.

"Kiêu hãnh và Định kiến" đã được khán giả và các nhà phê bình yêu thích ngay từ lần xuất bản đầu tiên năm 1813 tại Anh. Cuốn sách đã sớm được dịch sang tiếng Pháp, sau đó được dịch sang các ngôn ngữ khác. Ngày nay, nó là một trong những cuốn sách nổi tiếng nhất thế giới với nhân vật Darcy và Elizabeth Bennet, đã trở thành cuốn sách kinh điển được yêu thích trong nền văn học của chúng ta.

Tác phẩm 'Hòa Bình và Chiến Tranh' của Pompeo Batoni:

Một thông điệp vượt thời gian

Tiếp theo từ trang ***1***

với thực tế là anh ta đã sẵn sàng vào trận chiến với tấm khiên và kiếm trên tay. Thay vào đó, cô chia sẻ với anh con người thực của cô một cách thành ý. Không cách nào cưỡng lại, Chiến Tranh bị phân tâm khỏi mục tiêu của mình.

Làm thế nào để giữ hòa khí khi gặp mâu thuẫn? Để làm được điều đó, cần phải có quyết tâm và thái độ tích cực khi đối mặt với tiêu cực và mâu thuẫn; cần phải tìm ra những điểm chung để bắt đầu thương thuyết tìm phương án giải quyết; cần phải có thiện chí khi trình bày quan điểm của mình và lắng nghe quan điểm của người khác; cần phải có tôn trọng, tình yêu, và sự hài hòa như đang đối xử với chính mình. Những người luôn giữ tích cực và hòa bình khi đối mặt với tiêu cực và mâu thuẫn có thể sẽ thấy rằng, những người đã từng tiêu cực đối với họ giờ đây đang che chở họ khỏi những những hiểm nguy.

Nghệ thuật có một khả năng phi thường là cho ta thấy những gì ta không thể thấy, nên ta có thể thốt lên rằng: "Điều này có ý nghĩa gì đối với tôi và đối với tất cả những ai nhìn thấy nó?", hoặc "Nó ảnh hưởng thế nào đến quá khứ và tương lai?", hoặc "Nó nói lên điều gì về trải nghiệm của con người?" Đây là một số câu hỏi tôi sẽ khám phá trong loạt bài "Hướng vào nội tâm" (Reaching Within): Nghệ thuật truyền thống mang đến gì cho trái tim.

Eric Bess là một nghệ sĩ trường phái đại diện thực hành. Ông hiện đang học tiến sĩ tại Viện Nghiên Cứu Tiến Sĩ Về Nghệ Thuật Thị Giác (IDSVA).

Hàn Mặc biên dịch

PUBLIC DOMAIN

Chân dung tự họa của Pompeo Girolamo Batoni, khoảng năm 1773-1774.

TRANH DÂN GIAN

Tranh Đông Hồ : "Mục Đồng Thổi Sáo"

PUBLIC DOMAIN

Mục đồng thổi sáo. (Tranh Đông Hồ)

HOÀNG MAI

Bức tranh Đông Hồ "Mục Đồng Thổi Sáo" rất quen thuộc với người Việt, gợi nhớ ký ức tuổi thơ nơi miền quê thanh bình trong mỗi người con xa xứ.

Trước xóm sau thôn tựa khói lồng,
Bóng chiều man mác có dường không.
Mục đồng sáo vắng trâu về hết,
Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.
("Thiên Trường viên vọng" của Trần Nhân Tông đời Trần - bản dịch của Ngô Tất Tố);

Cảnh tượng làng quê êm đềm được vẽ lên trong thơ ca xưa rất tiêu biểu cho cuộc sống thanh bình ở nông thôn thuở trước. Trong khung cảnh bình yên ấy, vang lên tiếng sáo trúc vút theo gió trời. Cây sáo trúc rất thân quen với cuộc sống người dân các nước Á Đông xưa; nó là niềm vui sau những ngày làm việc đồng áng vất vả, là người bạn của các mục đồng. Người dân quê cũng mượn tiếng sáo để thổ lộ tâm tình, nói lên bao cảm xúc của cõi lòng mình.

Bức tranh Đông Hồ có tựa: Mục Đồng Thổi Sáo thể hiện hình ảnh thân thuộc dân dã. Con trâu là loài vật nhà nông không thể thiếu. "Con trâu là đầu cơ nghiệp", giúp họ cày bừa, kéo vác. Con trâu trong bức tranh này trông thật đáng yêu và ngộ nghĩnh. Đôi tai vểnh lên nghe ngóng, chân tung tăng như nhảy nhót theo tiếng sáo, mặt vui vui nhìn cuộc đời, đuôi vây vẩy ngộ nghĩnh. Dường như trâu cũng đang thưởng thức âm nhạc và cảm thấy vui sướng.

Trâu không chỉ giúp cho nhà nông làm việc, mà nó còn là một người bạn tinh thần của họ. Trâu khỏe với gam màu nóng cùng với đường viền chân săn chắc. Chú bé trên lưng trâu trông thật tuấn tú và, khỏe khoắn. Nét tuấn tú biểu hiện qua ngũ quan trên khuôn mặt hài hòa, cân đối. Khỏe khoắn qua nước da hồng hào và thế ngồi vững chãi - khoanh hai chân vào nhau. Đi chăn trâu, nhưng cậu vẫn có những thú vui bình dị nơi làng quê.

Hình ảnh trong bức tranh Đông Hồ đưa người xem trở về với ký ức tuổi thơ một thủa. Một cậu bé làng quê Việt Nam cởi trần, mặc quần cộc để cưỡi trâu, thổi sáo. Trên đầu, một lá sen được cậu ngắt kẹp giữa hai chân. Lá sen vươn lên trời xanh che nắng cho cậu. Đôi lúc ta thấy nó cũng như muốn ngả nghiêng, uốn éo theo điệu sáo. Sáo mà cậu bé thổi cũng được diễn tả rất duyên dáng, lại còn được trang trí bằng một túm dây gắn ở đầu sáo trông rất điệu đà.

Cậu bé ấy ngồi trên một thảm hoa đặt trên lưng trâu, được trang trí bằng những bông hoa gam trầm rất sắc nét. Trên tấm thảm còn có những búp sen, lá sen, hoa sen, cọng sen với cách bài trí khác nhau trông thật vui mắt. Cách sắp xếp rất hay và biểu cảm. Cỏ dưới chân trâu có ba bụi, nhưng mỗi bụi một vẻ, không bụi nào giống bụi nào, lối chuyển động của cỏ hết sức sinh động.

Mục đồng thổi sáo không chỉ tái hiện lại khung cảnh an lành êm đềm của một vùng quê Việt Nam, nó còn gợi cho người xem cảm xúc về quê hương dâng trào trong tâm hồn mỗi người Việt. Vang vọng đâu đây là hồn thơ cùng tiếng sáo của Thế Lữ, đem lại cho chúng ta chút hương đồng gió nội :

Ánh xuân lướt cỏ xuân tươi,
Bên rừng thổi sáo một hai Kim Đồng.
Tiếng đưa hiu hắt bên lòng,
Buồn ơi! Xa vắng, mênh mông là buồn...

Tiên Nga tóc xoã bên nguồn.
Hàng tùng rủ rỉ trên cồn đìu hiu,
Mây hồng ngừng lại sau đèo,
Mình cây nắng nhuộm, bóng chiều không đi.

Trời cao, xanh ngắt. - Ô kìa
Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai.
Theo chim, tiếng sáo lên khơi,
Lại theo dòng suối bên người Tiên Nga.

Khi cao, vút tận mây mờ,
Khi gần, vắt vẻo bên bờ cây xanh,
Êm như lọt tiếng tơ tình,
Đẹp như Ngọc Nữ uốn mình trong không.

Thiên Thai thoảng gió mơ mòng,
Ngọc Chân buồn tưởng tiếng lòng xa bay...
("Tiếng sáo Thiên Thai" - Thế Lữ)

ÂM NHẠC

Câu chuyện độc đáo về bản giao hưởng số 9 của Beethoven

THANH HƯƠNG

Bản giao hưởng số 9 được gọi là "Choral", là bản giao hưởng trọn vẹn cuối cùng của Ludwig van Beethoven. Được hoàn thành vào năm 1824. Là một kiệt tác vô cùng nổi tiếng trong dòng âm nhạc cổ điển. Hầu hết các nhà phê bình âm nhạc đều nhìn nhận rằng đây là một trong những tác phẩm vĩ đại nhất của Beethoven, và nhiều người coi nó là một trong những sáng tác vĩ đại nhất của nền âm nhạc Tây phương.

Bản giao hưởng số 9 được sáng tác trong giai đoạn mà tai của Beethoven gần như điếc hoàn toàn.

Trong bản giao hưởng số 9, lần đầu tiên Beethoven thử nghiệm sử dụng giọng hát con người trong một bản giao hưởng, vậy nên nó còn được gọi là một bản giao hưởng hợp xướng. Những lời ca được hát trong đoạn cuối cùng được trình diễn bởi bốn nghệ sĩ đơn ca và một dàn hợp xướng. Những lời ca này được lấy từ "Ode to Joy", một bài thơ được viết bởi Friedrich Schiller vào năm 1785 và được Beethoven bổ sung vào năm 1803. Trong những năm 2010, bản giao hưởng số 9 là một trong những bản giao hưởng được trình diễn nhiều nhất trên thế giới.

PUBLIC DOMAIN

Một bức tranh khắc (thế kỷ 19) mô tả buổi biểu diễn đầu tiên của Bản giao hưởng số 9. Beethoven là người đứng ở giữa dàn nhạc.

"Bất cứ ai có trái tim biết rung cảm với sự vĩ đại và cái đẹp chắc chắn sẽ có mặt", đó là lời ngợi ca của báo giới nước Áo dành cho buổi hòa nhạc của Beethoven. Vào ngày 7/5/1824, bản giao hưởng số 9 của Beethoven được trình diễn lần đầu tiên. Bản giao hưởng đã gây được ấn tượng sâu sắc cho khán giả bởi nhiều lý do. Nó dài hơn và phức tạp hơn bất kỳ một bản giao hưởng nào từ xưa đến nay và cũng yêu cầu một dàn nhạc lớn hơn. Nhưng điểm độc đáo nhất của nó chính là việc Beethoven đã thêm đồng ca và đơn ca vào chương cuối cùng. Ông là nhà soạn nhạc đầu tiên làm như vậy trong một bản giao hưởng.

Beethoven bắt đầu suy nghĩ về việc thêm bài thơ "Ode to Joy" của Friedrich Schiller vào sáng tác của mình từ đầu năm 1793, khi ông 22 tuổi.

Phần hợp xướng cuối cùng

Vào năm 1817, Hội yêu nhạc London ủy thác cho Beethoven viết một bản giao hưởng. Đến năm 1822 ba chương đầu tiên của bản giao hưởng số 9 được dành riêng cho dàn nhạc, nhưng Beethoven biết ông cần phải kết thúc tác phẩm bằng một dấu ấn thật đặc biệt. Đó là lúc ông chợt nhớ tới "Ode to Joy". Một chương dựa trên bài thơ nổi tiếng này chính xác là cái kết mà bản giao hưởng của Beethoven cần có.

Mặc dù bản giao hưởng này được ủy thác bởi Hội yêu nhạc London, những người có ảnh hưởng ở Vienna đã thuyết phục Beethoven trình diễn bản giao hưởng lần đầu tiên ở thành phố này. Dàn nhạc của nhà hát Kärnnertor được bổ sung thêm một số nhạc công khác, và một dàn hợp xướng gồm 90 thành viên đã được thành lập để cân bằng với dàn giao hưởng.

Nhảy nhót như một kẻ điên

Năm 1824, Beethoven đã gần như điếc hoàn toàn, nhưng ông vẫn muốn tiếp tục được trình diễn và chỉ huy dàn nhạc trên sân khấu. Beethoven cũng muốn giúp các nghệ sĩ hiểu phong cách và động lực mà ông mong muốn họ thể hiện.

Động tác của nhà soạn nhạc vĩ đại trong buổi hòa nhạc đó thật sự rất khác lạ, một nhạc sĩ kể lại: "Ông đứng trước vị trí của người chỉ huy và cúi người về trước. Có lúc ông càng hết người ra, rồi ngay sau đó lại gần như cúi mình chạm sàn nhà. Ông vung vẩy tay và chân của mình như thể muốn một mình chơi tất cả các nhạc cụ và hát tất cả các phần hợp xướng." Đó là lý do vì sao mà người chỉ huy dàn nhạc đã âm thầm yêu cầu các nhạc sĩ không được để ý đến Beethoven.

Không thể nghe được những tràng vỗ tay

Việc mất khả năng nghe của Beethoven đã tạo nên một trong những câu chuyện cảm động nhất trong giới âm nhạc. Khi bản giao hưởng kết thúc, ông vẫn tiếp tục hướng mặt về phía dàn nhạc thực hiện động tác chỉ huy. Ca sĩ giọng nữ trầm Caroline Unger đã phải bước đến gần và quay người Beethoven lại để ông có thể đón nhận những tràng vỗ tay và sự cổ vũ của khán giả.

Theo một người chứng kiến thì "công chúng đón nhận người nhạc sĩ với sự tôn trọng và lòng đồng cảm cao nhất, lắng nghe các sáng tác tuyệt vời và vĩ đại của ông một cách say mê chăm chú, và rồi bùng nổ trong tiếng vỗ tay đầy hân hoan, thường thường là giữa các phần, và rồi lại lặp lại như thế vào cuối bản giao hưởng." Khán giả hoan hô ông với những tràng vỗ tay; khăn tay, mũ và những cánh tay giơ lên không trung, để cho Beethoven, người không thể nghe được tiếng vỗ tay, ít nhất vẫn có thể nhìn thấy được sự cổ vũ của công chúng. Rất nhiều người tham dự đã xúc động tới rơi nước mắt khi họ nhận ra Beethoven không thể nghe thấy gì.

PUBLIC DOMAIN

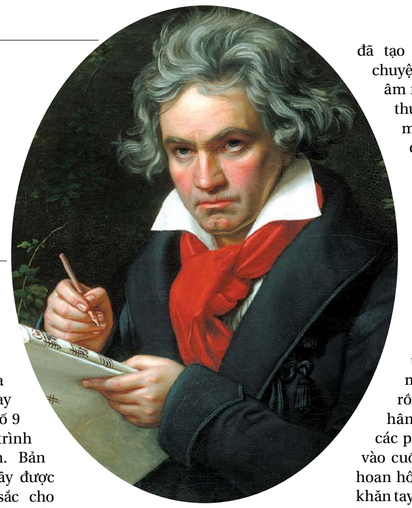

Chân dung nhà soạn nhạc Ludwig van Beethoven, vẽ bởi họa sỹ Joseph Karl Stieler, 1820.

PUBLIC DOMAIN

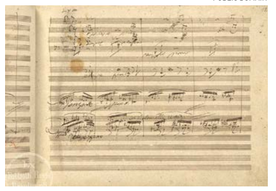

Một trang bản thảo của Bản giao hưởng số 9 của Beethoven.

Điều kì diệu

Không giống như Hamlet của Shakespeare, kiệt tác giao hưởng số 9 của Beethoven mang ý nghĩa khác biệt đối với từng người nghe, nhưng nó vẫn luôn là những gì tuyệt vời nhất, mạnh mẽ nhất và cao quý nhất về nhân loại. Như Wilhelm Furtwängler – một trong những chỉ huy dàn nhạc giao hưởng xuất sắc nhất – đã từng nói, cố gắng khám phá một cách chính xác ý tưởng của Beethoven với bản giao hưởng số 9 cũng tương tự như việc tìm chỗ để ghim một con bướm chính xác lên bộ sưu tập của một nhà côn trùng học.

Harvey Sachs, một nhà nghiên cứu âm nhạc nổi tiếng, cũng thừa nhận điều này trong sự khâm phục khi phân tích bản giao hưởng số 9: "Có một sự thật không thể nghi ngờ, đó là bản giao hưởng của riêng từng người, nếu bạn thật sự nghiêm túc lắng nghe."

Lời ca của "Ode to Joy" có đoạn viết:
"Bạn có cúi đầu trước Ngài, hàng triệu người ngoài kia?
Bạn có cảm nhận được Sáng Thế Chủ, hỡi thế gian?"

Có lẽ chúng ta sẽ chẳng bao giờ có thể thống nhất rằng bản giao hưởng này nói về điều gì, và tất cả những gì chúng ta có thể làm là tiếp cận nó với sự thận trọng, khiêm tốn và lòng ngưỡng mộ những điều kì diệu.

VŨ ĐẠO

Hai vở ballet kinh điển: "Vũ Điệu Dang Dở" và "Đôi Giày Đỏ"

TIFFANY BRANNAN

Câu chuyện của những đôi chân khiêu vũ

"Vũ Điệu Dang Dở" là một bộ phim múa ballet đầu tiên của Hollywood. Vũ công chính Cyd Charisse bắt đầu học ballet lúc 6 tuổi để tăng sức khoẻ và đã yêu thích bộ môn này ngay lập tức. Ở tuổi 12, cô bắt đầu học tại Los Angeles với các nghệ sĩ ballet như Adolph Bolm và Bronislava Nijinska. Năm 14 tuổi cô đã thử vai cho vở ballet Russe de Monte-Carlo; cô được nhận và lưu diễn khắp Châu Âu. Ở Paris, cô đã kết hôn với vũ công và biên đạo múa Nico Charisse, người đã dạy cô nhiều năm trước ở Los Angeles. Họ chuyển đến Hollywood đúng thời gian đoàn Ballet Russe tan rã trong Thế Chiến II.

PUBLIC DOMAIN

Cyd Charisse vào năm 1949, hai năm sau khi phát hành "Vũ điệu dang dở".

"Đôi Giày Đỏ" được đánh giá cao bởi các diễn viên đều là những vũ công ballet thực sự. Diễn viên chính Moira Shearer là một diễn viên múa ballet nổi tiếng tại nhà hát vũ kịch Sadler's Wells ở Anh. Robert Helpmann là một vũ công người Úc vào vai Ivan Boleslawsky, diễn viên ballet hạng nhất của Lermontov, đã giới thiệu cô với nhà làm phim Michael Powell và Emeric Pressburger. Đã làm việc với cô ở Sadler's Wells, anh biết cô sở hữu vẻ đẹp, tài năng diễn xuất và kỹ thuật vũ đạo cần thiết cho vai diễn. Sau một năm, Moira đã miễn cưỡng nhận vai, theo lời nhận xét của Adrienne L.McLean đăng trên tờ Dance Chronicle năm 1987.

Nhân vật Grischa Ljubov, biên đạo múa và vũ công chuyên nghiệp của nhà hát Ballet Lermontov do Leonide Massine đóng, là một vũ công nổi tiếng của Nga và là biên đạo cho vai diễn của anh trong vở ballet Đôi Giày Đỏ. Phần còn lại của những màn diễn dài 17 phút được biên đạo bởi Helpmann. Nữ vũ công chính của nhà hát, Irina Brodskaya đóng vai Ludmilla Tcherina, nữ vũ công người Pháp mà Michael Powell tuyển chọn, học giả lịch sử và truyền thông Mark Connelly nói rằng cô được chọn bởi "vẻ đẹp khác thường".

CC BY-SA 4.0

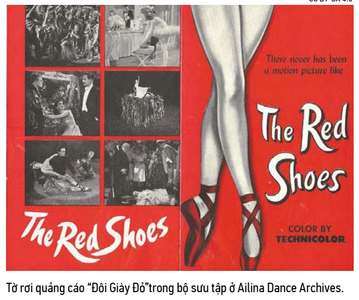

Tờ rơi quảng cáo "Đôi Giày Đỏ"trong bộ sưu tập ở Ailina Dance Archives.

Vũ công phải được nhảy múa

Đối với các vũ công ballet chuyên nghiệp, nhảy múa không đơn giản chỉ là nghề nghiệp. Đó là cuộc sống của họ. Cả hai bộ phim đều nhấn mạnh rằng việc nhảy múa quan trọng như thế nào đối với các vũ công ballet. Trong 'Vũ Điệu Dang Dở", Ông Paneros (Danny Thomas), người vệ sĩ của Meg cố gắng thuyết phục Meg rằng cô nên từ bỏ ballet, nhưng cô tuyên bố rằng, "Nếu một vũ công không thể múa nữa, cô ấy sẽ chết." Trong "Đôi giày đỏ", khi biết Vicky là một nữ vũ công ballet, Lermontov hỏi cô, "Tại sao cô muốn nhảy múa?". Cô hỏi lại, "Tại sao anh muốn sống?" Lermontov nói, "Ồ, tôi không rõ nữa, nhưng tôi phải sống." Vicky đáp lại đơn giản, "Đó cũng là câu trả lời của tôi."

So sánh hai bộ phim để thấy được sự khác biệt trong nghệ thuật và khía cạnh đạo đức. Trong khi "Đôi Giày Đỏ" có nhiều các đoạn cảnh múa ballet cổ điển, và thiếu tính logic là điều khá rõ ràng. "Đôi Giày Đỏ" cho thấy sự giằng xé của nữ vũ công giữa nghệ thuật và tình yêu đến mức tự huỷ hoại bản thân mình. Cái kết bi thảm đã khiến cả bộ phim trở nên u tối, khiến một câu chuyện phía sau tấm màn sân khấu trở thành màn kịch ảnh hưởng tới các bộ phim sau này về các nữ diễn viên ballet.

Ngược lại, "Vũ Điệu Dang Dở" lại mô tả một nữ diễn viên ballet vượt qua thảm kịch để tìm được sự hoàn thiện. Trong khi bộ phim kia, Darina đã trở nên phát điên và tự sát, thì bộ phim này cô lại tìm thấy niềm hạnh phúc trong việc dạy dỗ Meg. Một bộ phim thì có kết thúc trong ảm đạm, trong khi phim còn lại cho thấy sức mạnh của sự tha thứ và cứu rỗi.

"Vũ Điệu Dang Dở" bắt đầu với những dòng triết lý sau: "Rất lâu rất lâu trước khi người ta cất tiếng hát, thì người ta đã nhảy múa. Bước ra từ vũ điệu của họ là một thế giới mới, một thế giới kỳ lạ và diệu kỳ của ballet." Tôi hi vọng rằng trong khi các sân khấu vẫn còn phải để trống, các khán giả có thể thưởng thức các bộ phim kinh điển về môn vũ đạo này, và những vũ công cũng có thể tìm thấy niềm vui trong khi chiêm nghiệm vẻ đẹp từ khía cạnh khác của ballet cho tới khi có thể trở lại sân khấu biểu diễn!

Hong Xu biên dịch

NGHỆ THUẬT PHỤC HƯNG

Tranh Raphael: "Hôn lễ của Đức Đồng Trinh"

ĐÀO NGUYÊN

Bức "The Marriage of the Virgin" là một tác phẩm của danh họa Phục Hưng Raphael (1483 – 1520), được hoàn thành vào năm 1504 dành cho nhà thờ San Francesco, Ý. Kiệt tác đang được lưu giữ tại nhà trưng bày Pinacoteca di Brera nổi tiếng của nước Ý.

Bức tranh sơn dầu này là minh chứng cho sự trưởng thành và tự tin của Raphael. Những năm đầu của thế kỷ 15, khách hàng tại Città di Castello đã gửi thư tới thầy giáo của Raphael là Pietro Perugino, ủy thác cho ông thực hiện 3 bức họa. Tuy nhiên, do Perugino vắng mặt, Raphael đã hoàn thành cả 3 tác phẩm này, và bức "Hôn lễ của Đức Đồng Trinh" là bức họa cuối cùng trong số đó.

Tâm điểm của bức tranh là một giáo sĩ chủ hôn, đang cầm tay Đức Mẹ đồng trinh Maria và Thánh Joseph. Thánh Joseph đang chuẩn bị đeo nhẫn vào ngón tay của Đức Mẹ. Đức Mẹ Maria mặc trên người chiếc áo đỏ, quấn áo choàng xanh, tóc được giữ bằng voan mỏng. Thánh Joseph thì quấn áo choàng vàng, để râu quai nón, trong khi những người đàn ông khác trong tranh, ngoại trừ chủ hôn, đều không làm vậy. Điều này có hàm ý rằng Thánh Joseph sẽ trở thành cha nuôi của một người đặc biệt, chính là Chúa Jesus.

Mặc dù địa vị của Thánh Joseph là một vấn đề gây tranh cãi trong Kitô giáo, vì ông không được đề cập tới nhiều trong Kinh Thánh, và mỗi kinh sách lại có một lý giải khác nhau. Nhưng trong Phúc âm Matthew có đề cập tới việc Thánh Joseph tuân theo chỉ dẫn của một Thiên Thần và cử hành hôn lễ với Đức mẹ Maria. Tất nhiên, đây là một cuộc hôn nhân đặc biệt, vì Đức mẹ Maria đồng trinh mà thụ thai Chúa Jesus, và bà đã đồng trinh cho tới trọn đời. Cả hai người đều có hào quang trên đầu, tượng trưng cho địa vị cao quý của họ.

PUBLIC DOMAIN

Bức hoạ "The Marriage of the Virgin", 1504 của danh họa Raphael.

Ở phía bên trái của Đức Mẹ là những người phụ nữ có ánh mắt dịu dàng, với trang phục khá lộng lẫy, và có vẻ như là thân nhân của Đức Mẹ.

Ở phái bên phải của Thánh Joseph là một nhóm đàn ông, hầu hết đều có vẻ mặt chán nản thất vọng. Một người còn hậm hực dùng đầu gối bẻ gãy cây đũa của mình.

Duy chỉ có cây đũa của Thánh Joseph là nở hoa.

Phía sau hôn lễ, một quảng trường rộng lớn lát đá cẩm thạch, trải dài tới các bậc thang, rồi đến một ngôi đền lớn. Chúng ta có thể thấy rằng ngôi đền này có 16 cạnh. Sự chi tiết của ngôi đền cho thấy rằng ở thời điểm này, chàng trai trẻ Raphael đã rất hứng thú với kiến trúc.

Điểm đặc biệt của kỹ thuật vẽ tranh là ở chỗ, thay vì sử dụng một điểm phối cảnh hay điểm vô cực, nơi các đường song song như gặp nhau trên một bức họa nằm tại phía xa tới vô cùng, khiến tầm mắt bị hút vào nó; thì Raphael lại sử dụng trung tâm của ngôi đền, nằm ở sau cánh cửa ngôi đền, khiến cho không gian của toàn bộ bức tranh có vẻ như mở rộng ra. Và chính điều đó đã làm toát lên vẻ nghiêm trang và thánh thiện trong "Hôn lễ của Đức Đồng Trinh".

ALL PHOTOS IN PUBLIC DOMAIN

Tranh vẽ Tăng Sâm (Tăng Tử).

Thanh hương nhã cú (Phần 1/7):

Đạo hiếu với mẹ cha

TRÚC LÂM

Hiếu kính và hiếu thuận

Chuyện xưa kể rằng: Tăng Tử là học trò xuất sắc của Khổng Tử; anh tự nhận mình là một người con hiếu thuận. Phụ thân của Tăng Tử là Tăng Tích. Một ngày nọ Tăng Tử phạm lỗi nghiêm trọng khiến cha giận dữ; ông lấy một cây gậy rất dày đến đánh đòn, đánh đến nỗi Tăng Tử như sắp ngất xỉu, nhưng anh vẫn kiên cường nhẫn chịu.

Nếu như không tồn tại cái tâm hiếu kính với cha mẹ, vậy việc phụng dưỡng có ý nghĩa không?

Sau đó anh đem câu chuyện kể lại cho thầy và thầm nghĩ Sư phụ sẽ khen ngợi mình, không ngờ Khổng Tử nói: "Con hành xử như vậy thì sao có thể gọi là có hiếu được. Nếu như đích thân cha con đánh con, đánh đến nỗi thân thể bị thương, như vậy hàng xóm và người lân cận đó chẳng phải đều sẽ dị nghị về ông đúng không? Họ có thể cho rằng cha con thật là tàn bạo, như vậy chẳng phải là chính con đưa phụ thân mình vào chỗ bất nghĩa sao?"

Tăng Tử nghe xong rất lấy làm bối rối và xin thầy chỉ dạy, Khổng Tử đáp: "Sau này nếu như cha con dùng gậy rất dày để đánh thì con hãy mau bỏ chạy; nếu như ông dùng chiếc mỏng hơn thì con hãy cố gắng chịu đựng vậy. Ít nhất thì cũng chỉ là phần da thịt chịu khổ chút thôi."

Tăng Tử tiếp tục hỏi Thầy: "'Nếu phận làm con luôn luôn nghe theo lời chỉ bảo của cha mẹ, như vậy có được tính là hiếu thuận không thưa Sư phụ?' Khổng Tử đáp: 'Nếu như con chỉ nhất mực nghe theo chỉ lệnh của cha mẹ, làm sao có thể gọi là tận hiếu được?'"

Hiếu thuận không phải là răm rắp thuận theo ý cha mẹ, muốn trở thành một người con biết tận hiếu thì cần phải dụng tâm của bản thân, dù ở bất cứ nơi đâu cũng nghĩ cho cha mẹ, nên phải xét xem tự bản thân làm thế nào để cha mẹ yên lòng.

Dưỡng thân và dưỡng tâm

Đa phần trong thâm tâm mỗi người đều nghĩ rằng chỉ cần lo cho cha mẹ ăn no mặc ấm thì đã là chăm sóc cha mẹ được tốt, là cách báo hiếu tốt nhất. Nhưng kỳ thực không phải như vậy.

Tăng Tử rất hiếu thuận, khi anh phụng dưỡng cơm nước cho cha của mình đều có đầy đủ rượu thịt. Khi đồ ăn còn dư Tăng Tử thường hỏi cha rằng đồ ăn dư thì cho ai, bởi vì anh biết cha rất quan tâm đến cháu chắt trong nhà cùng những người hàng xóm nghèo khó. Tăng Tử không chỉ tận tâm chăm sóc cho cha mình, mà còn rất quan tâm đến những người mà cha quan tâm. Khi cha hỏi rằng còn dư cơm canh không, Tăng Tử đều trả lời là có, bởi lẽ anh muốn phụ thân không phải lo lắng có thể yên tâm dùng bữa. Tăng Nguyên là con trai của Tăng Tử, khi phụng dưỡng cơm nước cho cha mỗi bữa cũng có rượu thịt, nhưng khi Tăng Tử hỏi cậu có đồ ăn dư không, cậu đều nói không, nếu muốn ăn thêm thì cần làm thêm, Tăng Tử thấy vậy nên cũng không dám ăn thêm nhiều. Câu chuyện ba thế hệ trong ngôi nhà này đã cho chúng ta thấy được rằng: Tăng Nguyên chỉ phụng dưỡng được phần thân của cha, có thể được ăn đầy đủ; còn Tăng Tử có thể phụng dưỡng được cả thân lẫn tâm của Tăng Tích.

Vậy nên trong Luận Ngữ đã viết: "Cái gọi là 'hiếu' trên bề mặt, chỉ là có thể phụng dưỡng thân thể của cha mẹ. Tuy nhiên, đó cũng như nuôi ăn, công việc quá dễ dàng. Nếu như không tồn tại cái tâm hiếu kính với cha mẹ, vậy việc phụng dưỡng có ý nghĩa không?"

Người ta vẫn hay nói: "Bảy phần tinh thần, ba phần bệnh", có thể nói tinh thần ảnh hưởng đến con người lớn nhường nào. Vậy nên có thể khiến cho các bậc sinh thành cảm thấy vui vẻ hạnh phúc sẽ quan trọng hơn gấp nhiều lần việc ăn no mặc ấm. Ví dụ, có trường hợp vì để cha mẹ có sức khoẻ tốt, con cái đã mua rất nhiều thực phẩm bổ dưỡng ép họ phải ăn mặc dù có thể cha mẹ không thích.

Hoặc một ví dụ khác, có một ông lão cao tuổi, thân thể già yếu, không thể làm các công việc nặng nhọc. Tuy nhiên ông lại là một người không quen nhàn rỗi vậy nên muốn mở một cửa hàng tạp hoá nhỏ để bán nơi dân cư thành thị đông đúc. Nhưng người nhà ông nhất mực phản đối; mọi người đều cho rằng nghỉ ngơi không phải làm gì hết thì chính là đang hưởng phúc, là sự an dưỡng tốt nhất, họ cũng không cần ông phải kiếm tiền. Đối mặt với bốn bức tường cộng với sự nhàn rỗi, trống rỗng cuối cùng khiến ông cụ quá bí bách mà lâm bệnh nặng.

Phận làm con cháu đều hy vọng cha mẹ mình đến tuổi già sẽ được an dưỡng, được vui vẻ bội phần, nhưng họ lại nhìn nhận một cách lệch lạc rằng sự đầy đủ về vật chất được xem là hạnh phúc về tinh thần. Nếu như chúng ta thực sự quan tâm thương yêu cha mẹ thì hãy nên quan tâm nhiều hơn đến cuộc sống tinh thần của họ, hỏi họ xem có chuyện gì phiền não hay không, có nguyện vọng gì không, để ý xem điều gì khiến tâm tư cha mẹ thư thái bình an. Đó mới là biết cách hành xử đúng đắn để trở thành người con hiếu thuận.

Tranh vẽ Tăng Tử (ngoài cùng bên phải) đang quỳ hành lễ với người thầy của mình là Khổng Tử.

EPOCH TIMES TIẾNG VIỆT

www.etviet.com

CHÚNG TÔI ĐƯA NHỮNG TIN TỨC QUAN TRỌNG, TRUNG THỰC VÀ TRUYỀN THỐNG

EPOCH TIMES TIENG VIET

3 EASY WAYS TO SUBSCRIBE/Có thể đặt báo qua:

ONLINE: www.etviet.com

BY PHONE/Call:
(626) 618-6168
(714) 356-8899

BY MAIL :
Fill out the form to the right and mail it to / Xin điền mẫu bên cạnh và gửi đến:
Epoch Times Tieng Viet
10962 Main Street, Ste 101,
El Monte, CA 91731

Weekly print paper to your home / Một tờ báo sẽ được giao tận nhà mỗi tuần.

All subscriptions will continue until you request to cancel / Báo vẫn tiếp tục giao cho tới khi khách hàng yêu cầu ngưng.

Yes, I'd like to subscribe for/Vâng, tôi muốn đặt báo:

❒ Normal delivery/Gửi thường (khoảng 6–7 ngày sẽ nhận được báo)
❒ 6 months for $59 ❒ 12 months for $104

❒ Fast delivery/Gửi nhanh (khoảng 2–4 ngày sẽ nhận được báo)
❒ 3 months for $45 ❒ 6 months for $89 ❒ 12 months for $175

NAME/Tên _____
PHONE/Số phone _____
ADDRESS/Địa chỉ _____
CITY/Thành phố _____
STATE/Tiểu bang _____ ZIP/Mã vùng _____
EMAIL _____

❒ PAY BY CHECK/Trả bằng chi phiếu
(Payable to /Trả cho: Epoch Times Tieng Viet)

❒ USE MY CREDIT CARD/Dùng thẻ tín dụng
❒ VISA ❒ MasterCard ❒ Discover

Card number/Số thẻ: _____ Exp.date/Ngày hết hạn: _____

Signature/Chữ ký: _____ CVC # (REQUIRED) /Số CVC (bắt buộc): _____